

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 75/2019/DS - PT
Ngày 30 - 9 - 2019
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Cao Thị Túy Giang

Các Thẩm phán:

Bà Châu Minh Nguyệt

Ông Trương Thanh Dũng

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Quốc Trung - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Diễm Lệ - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 26 và 30 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 79/2019/TLPT-DS ngày 08 tháng 7 năm 2019 về việc tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 15/2019/DS-ST ngày 20 tháng 5 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bạc Liêu bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 86/2019/QĐ-PT ngày 06 tháng 9 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Đặng Thị B, sinh năm 1977; địa chỉ: Ấp Vĩnh Thành L, xã Vĩnh L, huyện H, tỉnh Bạc Liêu; chỗ ở hiện nay: Nhà trọ Hồng N, Khóm 10, Phường 1, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu (có mặt).

- *Bị đơn:* Bà Trần Thị X, sinh năm 1958; địa chỉ: Số 129, đường Cách M, Khóm 10, Phường 1, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu (có mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Nguyễn Văn B, sinh năm 1978; địa chỉ: Ấp Vĩnh Thành L, xã Vĩnh L, huyện H, tỉnh Bạc Liêu; chỗ ở hiện nay: Nhà trọ Hồng N, Khóm 10, Phường 1, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu (có mặt).

- *Người kháng cáo:* Bị đơn bà Trần Thị X.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn là chị Đặng Thị B trình bày: Trước đó, chị có mua của ông Bùi Văn O 2.345kg lúa với giá 5.400 đồng/kg, chị đã trả tiền đủ cho ông O. Ngày 20/10/2018, chị bán số lúa này cho bà Trần Thị X với giá 5.500đ/kg. Sau khi bà X mua lúa, bà X có hỏi tôi mua lúa của ông O như thế nào, thì bà X đưa cho tôi tiền chênh lệch 264.000 đồng, bà X nói chị cứ an tâm không có mất phần đâu, đồng thời bà X yêu cầu chị kêu vợ chồng ông O xuống nhà bà X nói chuyện, nên chị mới kêu ông O xuống nhà bà X. Hiện tại bà X còn nợ chị số tiền mua lúa là 12.633.500 đồng, chị B yêu cầu bà Trần Thị X trả số tiền này, không yêu cầu tính lãi suất.

Trong quá trình tố tụng tại Tòa án, bị đơn bà Trần Thị X trình bày: Ngày 20/10/2018, bà có mua lúa của chị Đặng Thị B 2.345kg lúa, với giá 5.500đ/kg, thành tiền là 12.897.500 đồng, số lúa này là của ông Bùi Văn O nhờ chị B bán dùm, chị B lấy tiền còn 100đ/kg. Vào ngày 15/10/2015, ông Bùi Văn O còn nợ bà tiền mua tám sào với số tiền là 15.000.000 đồng. Do chị B bán lúa dùm cho ông O hưởng huê hồng nên ngày 21/10/2018, bà chỉ trả cho chị B số tiền huê hồng là 264.000 đồng, số tiền còn lại của ông O. Nay, chị B yêu cầu bà trả số tiền 12.633.500 đồng của ông O cho chị B là không đúng, nên bà không đồng ý.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn B trình bày: Khoảng thời gian chính xác thì anh không nhớ, vợ chồng anh có mua của ông Bùi Văn O một số lúa với giá 5.400 đồng, bán lại cho bà Trần Thị X giá 5.500 đồng, số lượng bao nhiêu kg thì anh cũng không nhớ. Khi cân lúa xong cho bà X thì bà X hẹn vài ngày sau mới trả tiền, khi đến ngày hẹn nhận tiền thì anh tình cờ gặp được ông Bùi Văn O cũng đến nhà của bà X nên anh và ông O cùng đến nhà bà X, khi vào nhà thì bà X không trả tiền cho anh và nói lúa này không phải lúa của anh, còn bà X nói chuyện và thỏa thuận như thế nào với ông O thì anh không nghe và biết được. Anh xác định số lúa mà vợ anh bán cho bà X là do vợ chồng anh mua của ông O trước đó bán lại cho bà X, hiện tại bà X còn nợ vợ chồng anh số tiền 12.633.500 đồng và anh yêu cầu bà Xuân phải trả số tiền này cho vợ anh là chị Đặng Thị B.

Từ nội dung trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số 15/2019/DS-ST ngày 20 tháng 5 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bạc Liêu quyết định:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Đặng Thị B đối với bà Trần Thị X. Buộc bà Trần Thị X phải có nghĩa vụ hoàn trả cho chị Đặng Thị B số tiền 12.633.500đ (Mười hai triệu sáu trăm ba mươi ba ngàn năm trăm đồng).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, Luật Thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định pháp luật.

Ngày 29/5/2019 bà Trần Thị X kháng cáo: Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Đặng Thị B.

Tại phiên tòa phúc thẩm bà X vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu phát biểu ý kiến: Về việc tuân thủ pháp luật tố tụng: Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án, Thẩm phán và các đương sự đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa phúc thẩm. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, chấp nhận một phần kháng cáo của bà Trần Thị X, sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 15/2019/DS-ST ngày 20 tháng 5 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bạc Liêu về án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu toàn bộ các tài liệu, chứng cứ có lưu trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi thảo luận, nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Xét đơn kháng cáo của bà Trần Thị X nộp trong hạn luật định. Căn cứ vào Điều 273 và Điều 276 của Bộ luật Tố tụng dân sự, được chấp nhận xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

[3] Xét kháng cáo của bà Trần Thị X không đồng ý trả cho chị Đặng Thị B số tiền 12.633.500 đồng, vì bà X cho rằng chị B chỉ đứng trung gian bán lúa dùm ông O để hưởng tiền hoa hồng nên bà chỉ đưa chị B 264.000 đồng (tiền chênh lệch từ việc mua lúa ông O). Hội đồng xét xử xét thấy: Chị Đặng Thị B và bà Trần Thị X đều thừa nhận giữa hai bên có thỏa thuận mua bán lúa diễn ra vào ngày 20/10/2018, theo đó bà X mua của chị B 2.345kg lúa, giá 5.500đồng/kg, thành tiền là 12.897.500 đồng, nên đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Mặc khác, chị B xác định số lúa trên là do chị mua của ông Bùi Văn O vào thời gian trước đó với giá 5.400 đồng/kg rồi bán lại cho bà X để kiếm lời. Sau khi mua lúa, bà X chỉ trả cho chị số tiền 264.000 đồng thì không trả nữa, nên bà X còn nợ chị số tiền 12.633.500 đồng. Bà X thừa nhận có đưa cho chị B 264.000 đồng trong tổng số tiền mua lúa của chị B, còn số tiền 12.633.500 đồng bà X không trả cho chị B là do ông O thiếu bà 15.000.000 đồng nên bà giữ lại để trừ nợ với ông O (bút lục 33).

[4] Tại Biên bản xác minh ngày 23/01/2019, ông Bùi Văn O xác định: Trước đây ông có nợ bà X tiền mua tám cám là 15.000.000 đồng, nhưng sau đó khoảng năm 2017 bà X cũng có lấy tài sản của ông để trừ nợ, từ đó đến nay bà X không có đến đòi nợ nữa. Ông khẳng định vào ngày 20/10/2018, ông có bán cho chị B 2.345kg lúa, giá 5.400 đồng/kg, và ông đã nhận tiền đủ của chị B (bút lục 38-39).

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 13/5/2019 đối với ông Châu Văn C và Biên bản xác minh ngày 14/5/2019 đối với ông Chung Hoàng K, cả ông C và ông K

đều xác định không biết sự việc thỏa thuận mua bán lúa giữa bà X, bà B, ông Bảo và ông O.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bà X có cung cấp đoạn ghi hình ngày 21/10/2018, thể hiện ông O và anh Nguyễn Văn B là chồng của chị B có đến nhà của bà X. Tuy nhiên, đoạn ghi hình trên không có âm thanh, nên việc trao đổi giữa các bên không biết trao đổi về việc gì. Bà X thì cho rằng đây là cuộc trao đổi về việc ông O nợ tiền bà cũng như việc bà giữ số tiền mua lúa lại để trừ nợ. Hội đồng xét xử thấy rằng: Bà X thừa nhận thỏa thuận trực tiếp cùng chị B và bà nhận lúa từ chị B nên cấp sơ thẩm buộc bà X trả cho chị B số tiền lúa còn nợ 12.633.500 đồng là có căn cứ. Tuy nhiên, về án phí: Do tại phiên tòa cấp phúc thẩm, bà X có đơn xin miễn án phí do là người cao tuổi. Hội đồng xét xử thấy rằng, bà X hiện 61 tuổi và có đơn miễn án phí nên chấp nhận miễn án phí sơ thẩm và phúc thẩm cho bà X.

[5] Từ những phân tích nêu trên, chấp nhận một phần kháng cáo của bà Trần Thị X; có căn cứ chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên, sửa Bản án sơ thẩm số 15/2019/DS-ST ngày 20 tháng 5 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bạc Liêu về án phí.

[6] Đối với giao dịch mua bán tài sản giữa bà Trần Thị X và ông Bùi Văn O không liên quan trong vụ án, vì Tòa cấp sơ thẩm đã tiến hành xác minh ông O ngày 23/01/2019, nên Tòa cấp sơ thẩm không mời ông O để đối chất với bà X theo yêu cầu của bà X là phù hợp theo quy định của pháp luật. Bà X có quyền khởi kiện ông O trong một vụ án dân sự khác khi có yêu cầu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 273, 276 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 430, khoản 1, khoản 3 Điều 440 Bộ luật Dân sự; điểm đ khoản 2 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần kháng cáo của bà Trần Thị X, sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 15/2019/DS-ST ngày 20 tháng 5 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bạc Liêu về án phí.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Đặng Thị B đối với bà Trần Thị X. Buộc bà Trần Thị X phải có nghĩa vụ hoàn trả cho chị Đặng Thị B số tiền 12.633.500đ (Mười hai triệu sáu trăm ba mươi ba ngàn năm trăm đồng).

2. Về án phí:

2.1. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Bà Trần Thị X không phải chịu; chị Đặng Thị B không phải chịu, chị B đã nộp tạm ứng án phí số tiền 315.800 đồng theo biên lai thu số 0000173 ngày 07/12/2018 tại Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố B, nay được hoàn lại.

2.2 Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Trần Thị X không phải chịu. Bà X đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu số 0000648 ngày 30/5/2019 tại Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố B, được hoàn lại.

3. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền nêu trên, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

4. Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TANDCC tại Tp. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Bạc Liêu;
- TAND Tp B;
- CCTHADS Tp B;
- Đường sự;
- Lưu Tổ HCTP, hồ sơ vụ án.

(Đã ký tên và đóng dấu)

Cao Thị Túy Giang